TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-4-2021
V/v "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Kim Thành
2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Xuân Son - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn N, sinh năm: 1991,
Địa chỉ: Tổ 02, ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.
- Bị đơn: Chị Thị X, sinh năm: 1993,
Địa chỉ: ấp 6, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Ông Mang Q, sinh năm: 1965
2/ Bà Thị N, sinh năm: 1967,
Cùng địa chỉ: ấp Xóm B, xã BS, huyện TB, tỉnh Ninh Thuận.

Anh N có mặt; chị X, ông Mang Q và bà Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-12-2020, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Văn N trình bày:

Anh yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Đỗ Thị Cẩm V, sinh ngày: 15-11-2015. Anh và chị Thị X đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 316 ngày 29-9-2020, theo quyết định ly hôn thì vợ chồng anh thỏa thuận giao cho chị X được quyền nuôi con, anh không cấp dưỡng. Tuy nhiên, hiện chị X không trực tiếp chăm sóc con mà

gửi cho cha mẹ vợ chăm sóc. Anh có về nhà cha mẹ vợ thăm con 01 lần nhưng không gặp được con vì cha mẹ vợ không cho tôi gặp con.

Về điều kiện nuôi con: Hiện anh đang làm công nhân, thu nhập mỗi tháng trên 10.000.000 đồng, anh đang sống chung nhà với cha mẹ anh; anh chưa có vợ khác. Vì vậy, anh nhận thấy đủ khả năng nuôi con và điều kiện tốt hơn chị X. Chị X đã có chồng khác, hiện đang mang thai nên không có khả năng nuôi con tốt.

Bị đơn chị Thị X trình bày:

Chị không đồng ý giao con cho chồng tôi nuôi. Hiện nay chị đã có chồng, hiện đang mang thai, chị đang cư trú tại nhà chồng tại ấp 6, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Do con đang học mẫu giáo nên chị tạm gửi cha mẹ chị trực tiếp trông nom, chăm sóc; hàng tháng chị vẫn gửi tiền về cha cha mẹ mỗi tháng khoảng 2.000.000 đồng. Chị nhận thấy có khả năng nuôi con, chồng mới của chị có thu nhập mỗi tháng hơn 20.000.000 đồng nên hàng tháng cho chị tiền để gửi về cho cha mẹ chị nuôi con của chị.

Do chị sắp sinh con nên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt và chị cũng đã trình bày ý kiến. Từ ngày 27-3-2021 chị đã về sống chung với cha mẹ và con, hiện tại chị đang cho con học mẫu giáo.

Từ khi ly hôn anh N có về thăm nom con một lần nhưng ngồi trên xe ô tô không vào nhà nên cha mẹ chị không dẫn con ra cho anh N gặp vì sợ anh N bắt con chị đi, nếu muốn thăm con thì phải vào nhà thăm, việc này chị và gia đình sẽ không cản trở, hơn nữa anh N về thăm con mà cũng không liên lạc thông báo trước với chị. Chị đồng ý cho anh N thăm nom con bình thường nhưng phải vào nhà thăm con, chị không đồng ý cho anh N rước con về trên đây.

Từ ngày ly hôn đến nay anh N không cấp dưỡng nuôi con, chỉ có cho con một lần số tiền 1.000.000 đồng.

Ông Mang Q và bà Thị N xác nhận hiện đang phụ giúp chị X trông nom, chăm sóc cháu Cẩm V, hàng tháng chị X có gửi tiền về để nuôi con và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thị Xoan, ông Mang Q và bà Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Anh N và chị Thị X có quan hệ là vợ chồng. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số:

316/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, anh N và chị X đã thỏa thuận giao con chung là cháu Cẩm V cho chị Xoan được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giao dục. Chị X không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Nay anh N khởi kiện yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Thị Cẩm V, sinh ngày: 15-11-2015. Anh N cho rằng hiện chị X đã có chồng khác, không trực tiếp chăm sóc con, mà gửi cho cha mẹ vợ chăm sóc; anh N có điều kiện nuôi con tốt hơn. Anh N có về nhà cha mẹ vợ thăm con một lần nhưng không gặp được con vì cha mẹ vợ không cho anh gặp con.

Chị X không đồng ý giao con cho anh N nuôi dưỡng. Chị X xác nhận hiện nay đã có chồng, hiện đang mang thai, chị X đang cư trú tại nhà chồng tại ấp 6, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Chị X cho rằng con đang học mẫu giáo nên chị tạm gửi cha mẹ chị trực tiếp trông nom, chăm sóc; hàng tháng chị vẫn gửi tiền về cha cha mẹ mỗi tháng khoảng 2.000.000 đồng.

[2.2] Xét thấy cả anh N và chị X cùng có điều kiện nuôi con. Mặc dù, chị X đang mang thai nhưng hàng tháng vẫn gửi tiền cho cha mẹ ruột để chăm lo cho con, việc này được cha mẹ chị X xác nhận. Tại thời điểm anh N và chị X ly hôn, chị X không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Từ khi ly hôn vào tháng 9-2020 đến nay anh N chỉ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng là rất thấp so với chi phí cuộc sống để nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cẩm V. Hội đồng xét xử xét thấy việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng trước hết xuất phát từ ý thức, trách nhiệm, anh N cho rằng anh N có thu nhập tốt hơn chị X nhưng lại không tự nguyện cấp dưỡng số tiền nhiều hơn để thể hiện trách nhiệm của người cha đối với con chưa thành niên.

Anh N xác nhận hiện nay cháu Cẩm V vẫn phát triển bình thường như những trẻ em khác; chị X có phẩm chất đạo đức tốt, không có tham gia tệ nạn xã hội, không ngược đãi con chung.

Về điều kiện thực tế của anh N và chị X đều có thu nhập, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt nên đều có đủ điều kiện nuôi con. Mặc dù, trước đây chị X đã lấy chồng sống với gia đình nhà chồng để lại cháu Cẩm V cho ông bà ngoại nuôi, chị X không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Cẩm V nhưng chị X vẫn gửi tiền cho cha mẹ nuôi con, có về gặp con và thực tế cháu Cẩm V vẫn phát triển bình thường, hiện chị X đã sống chung để chăm lo cho con nên chị X không vi phạm quyền về nghĩa vụ của cha mẹ qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình.

Cháu Cẩm V có giới tính là nữ nên người mẹ chăm sóc, giáo dục giới tính sẽ phù hợp về tâm sinh lý hơn người cha. Anh N không chứng minh được chị X vi phạm về quyền và nghĩa vụ đối với con.

Đảo đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Cẩm V, Hội đồng xét xử cần không chấp nhận yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh N đối với chị X.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Đỗ Văn N đối với chị Thị X.

Chị Thị X được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con tên Đỗ Thị Cẩm V, sinh ngày: 15-11-2015.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012712 ngày 15-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, anh N đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Hiếu